

Số: /KH-UBND

Xín Mân, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Công văn số 560/UBND-KTTH, ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh về việc tham mưu thực hiện Quyết định số 208/QĐ-TTg, ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

UBND huyện Xín Mân xây dựng Kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân miền núi, người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, danh lam thắng cảnh và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn để đảm bảo chủ động cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ; góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và giá trị gia tăng của ngành chế biến gỗ và sản phẩm gỗ có sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu dùng.

b) Giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được chế biến tăng, giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được sản xuất dưới tán rừng chiếm tỷ trọng từ 10 - 15% vào năm 2030 và chiếm 20% vào năm 2050.

c) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm kết hợp hiệu quả, bền vững trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với phát triển du lịch sinh thái nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ rừng, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ.

d) Phát triển dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở cụ thể hóa, mở rộng các loại dịch vụ môi trường rừng; đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn từ dịch vụ môi trường rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; phân đầu đảm bảo nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định.

đ) Phát triển các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác các giá trị về tài nguyên thiên nhiên, truyền thống văn hóa, tri thức bản địa; mở rộng các loại hình du lịch, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn gắn với các sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương.

e) Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng; duy trì ổn định và phát triển diện tích rừng phòng hộ đến năm 2030 tăng từ 10% đến 15% so với năm 2020; xây dựng được Kế hoạch hành động bảo tồn các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.

g) Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 35%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên vào năm 2030 và 60% vào năm 2050. Phân đầu nâng mức thu nhập bình quân của lao động là người dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đến năm 2030 tăng gấp 1,5 lần và đến năm 2050 tăng gấp 2,0 lần so với mức thu nhập tại thời điểm năm 2025.

II. NHIỆM VỤ

1. Phát triển nguồn nguyên liệu và nâng cao giá trị cho ngành chế biến gỗ

- Hình thành vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn ở các vùng trọng điểm tại các xã phía nam (Khuôn Lùng, Nà Chì, Quảng nguyên).

- Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất từ khâu chọn, tạo giống, kiểm soát chất lượng nguồn giống; thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh nhằm tăng năng suất và chất lượng rừng trồng; gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với chế biến hàng hóa tập trung đối với một số sản phẩm thế mạnh; xây dựng thương hiệu, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc cấp mã số vùng trồng, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Phát triển công nghệ chế biến tinh, chế biến chuyên sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm gỗ; tận dụng phế phụ phẩm trong chế biến gỗ để sản xuất các sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu; giảm dần tỷ trọng các sản phẩm

chế biến thô như sản xuất dăm gỗ xuất khẩu; khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm từ gỗ từ rừng trồng.

2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

- Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng; chú trọng nắm vững thông tin về các loài quý hiếm có giá trị kinh tế cao: vùng phân bố, loài, diện tích, trữ lượng; từ đó đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững theo tiềm năng, thể mạnh của từng sản phẩm, từng vùng sinh thái và phát huy tri thức bản địa của cộng đồng, người dân địa phương.

- Hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài, trong đó ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng như: vùng trồng cây Quế tại các xã phía nam; trồng Thảo quả, Sa nhân,... tại các xã trên địa bàn huyện. Cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển các cơ sở chế biến sản phẩm hàng hóa thương mại gắn kết với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm ngành nghề thủ công mỹ nghệ gắn với nguyên liệu từ rừng, xây dựng các sản phẩm OCOP về dược liệu, sản phẩm phù hợp với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp

- Tổng kết, đánh giá, các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, kết hợp như: mô hình vườn rừng; nuôi trồng, phát triển cây dược liệu, cây đa mục đích, chăn nuôi, thủy sản dưới tán rừng,... để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, tài liệu, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phổ biến và nhân rộng các mô hình thành công, hiệu quả.

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác hiệu quả và quản lý chất lượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... kết hợp dưới tán rừng, để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng.

- Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng một cách bền vững, hiệu quả; phát huy trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là

dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.

- Nghiên cứu, thể chế hóa các quy định về áp dụng mức thu tiền dịch vụ môi trường rừng tiệm cận với giá trị thực mà rừng mang lại, phù hợp với thực tiễn phát triển của nền kinh tế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người trực tiếp tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đánh giá tác động, có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với công tác quản lý rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu việc thúc đẩy, hỗ trợ các chủ rừng thực hiện phương thức tự tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định.

- Tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng và chính quyền địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; bảo tồn, phát huy tri thức bản địa và truyền thống văn hóa của địa phương.

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống trong và gần rừng.

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng thể hiện được tính kết nối vùng, liên vùng tạo nên các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý.

- Phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, các kênh truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch nông thôn; sử dụng mạng xã hội và trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm ảnh,...) để đưa thông tin đến du khách trong nước và quốc tế.

- Thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng; hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao sinh kế thông qua việc sử dụng lao động địa phương. Trong đó, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có tổ chức hoạt động du lịch tại các khu vực, vùng liên kết hoặc các vùng giáp ranh với các đơn vị tổ chức các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

- Rà soát, đánh giá các khó khăn, vướng mắc, bất cập liên quan đến việc thực hiện các quy định, chính sách hiện hành về lâm nghiệp.

- Thực hiện tốt các quy định, hướng dẫn về quản lý bảo tồn, khai thác, sử dụng và phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu trong tự nhiên theo hướng bền vững; các quy định về nuôi trồng, phát triển các loài cây trồng, vật nuôi trong môi trường rừng theo mô hình nông, lâm, ngư kết hợp; chính sách về quản lý, chia sẻ lợi ích với người dân địa phương để phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu và chia sẻ lợi ích từ khai thác tài nguyên thiên nhiên và môi trường rừng.

- Xây dựng, hoàn thiện quy định, trong việc phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các loại rừng đảm bảo khả thi, huy động được các nguồn lực xã hội hóa, nhưng không làm thay đổi mục tiêu, chức năng chính của từng khu rừng.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp gắn với việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, ưu đãi đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số có nhiều rừng.

2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; đảm bảo quá trình xây dựng phương án quản lý và tổ chức các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng có sự tham gia rộng rãi của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, lập hồ sơ quản lý rừng theo chức năng, mục đích sử dụng nhằm tối ưu hóa hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có năng suất và chất lượng cao, với sự tham gia của các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế tổng hợp trên một đơn vị diện tích; chú trọng phát triển lâm nghiệp đa mục đích (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ); nông, lâm, ngư kết hợp.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất như: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng trong việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu.

3. Về khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng, trong đó tập trung ưu tiên các hoạt động nghiên cứu chọn, tạo giống có năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng; nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, chuyển hóa sang rừng trồng gỗ lớn; nghiên cứu phát

triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu, cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc, chế biến và bảo quản lâm sản nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về nuôi trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và bảo quản lâm sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả các mô hình nuôi trồng, mô hình lâm sản ngoài gỗ, dược liệu.

- Chuyên giao khoa học, công nghệ, khuyến lâm, khuyến công,... nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người làm nghề rừng, từ đó tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trong các khâu trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất của ngành lâm nghiệp.

4. Về tổ chức sản xuất

- Đánh giá, tổng kết các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp; mô hình hợp tác, liên kết sản xuất trong lâm nghiệp giữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng với nhà khoa học và doanh nghiệp, hợp tác xã...; mô hình về trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; mô hình về phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; phát triển các mô hình lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương theo vùng miền nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của mỗi địa phương để nhân rộng các mô hình phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, canh tác nông, lâm kết hợp, hiệu quả, bảo đảm phát thải thấp, không gây mất rừng và ô nhiễm môi trường, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất; hướng dẫn người dân sản xuất đúng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu của thị trường.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức được giao đất, giao rừng, khoán bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, nhất là diện tích rừng đang giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Xây dựng một số mô hình quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng; thay đổi tư duy, nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp từ quảng canh sang thâm canh; phát triển hài hòa giữa sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ,... để duy trì và phát triển sinh kế bền vững của người làm nghề rừng.

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình OCOP, chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gắn với hệ sinh thái rừng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế rừng bền vững.

- Thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là đường lâm nghiệp, để khai thác tổng hợp các giá trị của hệ sinh thái rừng.

5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng.

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản; tăng cường năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng gắn với duy trì, phát triển tri thức, văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương.

VII. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Dịch vụ môi trường rừng và các Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác; Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo quy định hiện hành.

2. Nguồn xã hội hóa; nguồn vốn tự có, huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo minh bạch, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch; chủ trì phối hợp với các Phòng, Ban và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

- Xây dựng, xem xét thẩm định các nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu của Kế hoạch và theo quy định, tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, gửi Phòng Tài chính - kế hoạch chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện định kỳ 5 năm và khi kết thúc giai đoạn thực hiện Kế hoạch; kịp

thời đề xuất, kiến nghị trình UBND huyện quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, điều chỉnh Kế hoạch, bổ sung các dự án, nhiệm vụ ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Chủ trì phối hợp với các Phòng, ban và các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương xây dựng và triển khai các quy định, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng theo quy định.

2. Hạt Kiểm lâm:

- Hạt Kiểm lâm, hướng dẫn, kiểm tra công tác đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý rừng, bảo vệ rừng, khai thác rừng, sử dụng rừng, vận chuyển, kinh doanh, cất giữ, chế biến lâm sản; phối hợp với các địa phương, kiểm tra, xử lý vi phạm tại các địa bàn trọng điểm, vụ việc phức tạp. Quản lý tốt các cơ sở chế biến lâm sản.

- Chủ trì thực hiện các chỉ tiêu quản lý bảo vệ rừng, tổng hợp báo cáo hiện trạng rừng trong đó có tỷ lệ che phủ rừng và tham mưu cho UBND huyện Quyết định công bố hiện trạng rừng theo quy định.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND huyện những vấn đề phát sinh để tháo gỡ kịp thời cho cơ sở.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Cân đối, tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Hướng dẫn các xã, thị trấn thống kê, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng; rà soát ranh giới, xử lý các trường hợp chồng lấn diện tích đất đai để bảo đảm sử dụng đất ổn định, lâu dài, đúng mục đích.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Hạt kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn và ngành liên quan tham mưu UBND huyện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp để thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật đất đai và Luật lâm nghiệp; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và môi trường trong đó có việc sử dụng đất lâm nghiệp; hướng dẫn UBND các xã, thị trấn giải quyết kịp thời các vụ việc tranh chấp đất lâm nghiệp theo quy định.

4. Các ngành có liên quan (Đồn Biên phòng Xín Mần, Ban chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện):

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp chặt chẽ với Phòng nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm lâm, chủ rừng triển khai các biện pháp nghiệp vụ, phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi chặt phá rừng, khai thác rừng,

lấn chiếm rừng, buôn bán, chế biến, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; Chỉ đạo lực lượng cấp cơ sở tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND cấp xã thực hiện các hoạt động: Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị có sự liên kết giữa tổ chức, cá nhân trồng rừng với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và giải quyết các tranh chấp thương mại.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Chỉ đạo Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Du lịch; Trang thông tin điện tử huyện tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng những quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản để các cấp, các ngành và nhân dân nâng cao nhận thức, chấp hành nghiêm chỉnh Luật lâm nghiệp. Phối kết hợp đưa tin các vụ việc vi phạm cũng như xử lý vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Hỗ trợ UBND các xã/thị trấn xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền của người dân địa phương.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Tiếp tục phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Hạt kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn, các trường học thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực Lâm nghiệp cho học sinh, giáo viên và đội ngũ quản lý.

8. UBND các xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện hiệu quả.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, xem xét hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả, khả thi, đúng mục tiêu của Kế hoạch; lồng ghép thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đang thực hiện trên địa bàn xã, thị trấn.

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại các xã, thị trấn tham gia thực hiện theo kế hoạch.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm; báo cáo kết quả, gửi Phòng nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND huyện.

- Chủ tịch UBND, Phó chủ tịch UBND cấp xã phụ trách lĩnh vực nông lâm nghiệp chịu trách nhiệm về kết quả, tiến độ, chất lượng của Kế hoạch trên địa bàn xã, thị trấn; trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc triển khai Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

9. Đề nghị UBNDTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội huyện:

Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Yêu cầu Phòng Nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các TC CT-XH;
- Các Phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính -KH, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa - thông tin; Giáo dục và Đào tạo;
- BCH Quân sự huyện; Đồn Biên phòng Xín Mần; Công an huyện;
- Hạt Kiểm lâm;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐ, CV VP (Anh, Bình);
- Lưu: VT; VNPT-Ioffice;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Văn Tăng